**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 9 HKI NĂM HỌC 2019-2020**

**I. VĂN HỌC**

**1/ Truyện trung đại:**

***- Chuyện người con gái Nam Xương;***

\* Tóm tắt, nêu được tình huống truyện, nắm vững nội dung, nghệ thuật  và ý nghĩa “*Chuyện người con gái Nam Xương”.*

**- Tóm tắt: HS tóm tắt đảm bảo được các ý sau:**

*“Chuyện người con gái Nam Xương” kể về cuộc đời và số phận của Vũ Thị Thiết hay còn được gọi là Vũ Nương. Nàng là một người đẹp người, đẹp  nết cho nên Trương Sinh mới xin hỏi cưới nàng làm vợ. Chồng nàng là một kẻ vô học, gia trưởng vì thế Vũ Nương luôn giữ gìn không để cho vợ chồng phải đến bất hòa. Không lâu sau, Trương Sinh đi lính, nàng ở nhà chăm sóc mẹ chồng và con nhỏ. Mẹ chồng qua đời, nàng lo ma chay chu đáo như chính cha mẹ đẻ của mình. Trương Sinh trở về, nghe lời con nhỏ đã vu oan cho vợ “mất nết hư thân” mà không cho Vũ Nương cơ hội để giải bày. Nàng đành tìm đến cái chết ở bến Hoàng Giang.*

**-Tình huống truyện:***Tác giả đặt Vũ Nương  vào những tình huống sau để làm bộc lộ  vẻ đẹp và số phận của nàng:*

*+Khi sống với chồng* :Thuỳ mị nết na, tư dung tốt đẹp => Đẹp người, đẹp nết

*+Khi tiễn chồng đi lính:* Nàng không mong vinh hiển chỉ cầu cho chồng bình an trở về

+*Khi  xa chồng:*Đảm đang, tháo vát, là nàng dâu hiếu thảo.

+*Khi bị chồng nghi oan:Tìm  đến cái chết*

**\* Nội dung:**Niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ PK, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.

**\*Nghệ thuật:** Nt dựng truyện, miêu tả nhân vật, kết hợp tự sự và trữ tình…

\*Tác phẩm không chỉ thành công về mặt nghệ thuật như: nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, nhân vật độc đáo; cốt truyện sáng tạo; sử dụng tốt các yếu tố trữ tình; đối thoại của nhân vật... mà còn mang giá trị, ý nghĩa sâu sắc:

* Phản ánh hiện thực xã hội phong kiến đương thời với nhiều sự bất công (trọng nam khinh nữ, phân hóa giàu nghèo, chiến tranh phi nghĩa,...).
* Khắc họa rõ nét bức tranh về cuộc đời - số phận của người phụ nữ thời kì đó, đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội phong kiến.
* Thể hiện sự trân trọng của nhà văn đối với những ước mơ chính đáng, khát vọng cao đẹp như: khát vọng được hạnh phúc, ước mơ về sự công bằng trong xã hội,....
* Thể hiện niềm xót thương, cảm thông sâu sắc của tác giả đối với số phận của người phụ nữ thông qua nhân vật Vũ Nương.
* Lên án, phê phán, tố cáo xã hội phong kiến đã chà đạp lên quyền sống của con người.
* **Khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ thông qua nhân vật Vũ Nương.**

***2.*Nắm được những nét chính về tác giả Nguyễn Du và sự nghiệp văn chương. Hiểu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa và học thuộc lòng các đoạn trích trên của *Truyện Kiều*.**

- Tác giả Nguyễn Du:

***1.Thân thế***

 - Nguyễn Du (1765 – 1820) tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

 - Ông xuất thân trong một gia đình đại quý tộc, có truyền thống văn học.

***2. Cuộc đời***

 - Ông sống vào thời cuối Lê đầu Nguyễn giai đoạn chế độ phong kiến Việt Nam có nhiều biến động tư tưởng chính trị của ông không rõ ràng

 - Nguyễn Du sống lưu lạc chìm nổi,cuộc đời nhiều cực khổ thăng trầm.

***3. Con người***

- Nguyễn Du là người có kiến thức sâu rộng , am hiểu văn hoá dân tộc và văn chương Trung Quốc. Cuộc đời từng trải tạo cho ông vốn sống phong phú và niềm cảm thông sâu sắc với những nỗi khổ của nhân dân.

***4. Sự nghiệp***

- Ông để lại một di sản văn hoá lớn về cả chữ Hán và chữ Nôm. Sáng tác Nôm xuất sắc nhất là Truyện Kiều.

- Ông là một thiên tài văn học, là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, là Danh nhân văn hoá thế giới.

***\* Truyện Kiều*của Nguyễn Duvà các đoạn trích*Cảnh ngày xuân, Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích***(Trích*Truyện Kiều –*Nguyễn Du).

- Truyện Kiều:

 Nguồn gốc.

+ Lấy cốt truyện từ tác phẩm “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc).

+ Viết bằng chữ Nôm, gồm 3254 câu thơ lục bát.

    Tóm tắt nội dung.

     + Gặp gỡ và đính ước.

     + Gia biến và lưu lạc.

     + Đoàn tụ.

   Giá trị tác phẩm.

 *Giá trị hiện thực*:

+Truyện Kiều là bức tranh hiện thực,là tiếng nói tố cáo về xã hội phong kiến bất công, tàn bạo, chà đạp lên quyền sống của con người lương thiện.

+Số phận bất hạnh của người phụ nữ đức hạnh, tài hoa trong xã hội phong kiến.

*Giá trị nhân đạo*

+ Cảm thương trước số phận bi kịch của con người.

+ Khẳng định, đề cao tài năng nhân phẩm và ước mơ, khát vọng chân chính của con người.

 *Giá trị nghệ thuật*.

+ Truyện Kiều là kết tinh thành tựu  nghệ thuật văn học về ngôn ngữ và thể loại.

Về ngôn ngữ: Tiếng Việt văn học trở nên giàu đẹp với khả năng miêu tả, biểu cảm vô cùng phong phú.

 Về thể loại: Thể thơ lục bát đạt tới đỉnh cao điêu luyện, nhuần nhuyễn. Nghệ thuật kể chuyện, miêu tả thiên nhiên đa dạng, tả cảnh ngụ tình, xây dựng nhân vật rất độc đáo.

Các đoạn trích:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN VB** | **TÁC GIẢ** | **NĂM- HC SÁNG TÁC****XUẤT  XỨ** | **THỂ LOẠI - PTBĐ** | **NỘI DUNG** | **NGHỆ THUẬT** |
| 1 | ***Chị em Thúy Kiều*** | Nguyễn Du | - Trích ***“Truyện Kiều”*** | - Truyện thơ Nôm( thơ lục bát)- Tự sự | Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về số phận tài hoa bạc mệnh | Bút pháp ước lệ  tượng trưng cổ điển, miêu tả chân dung |
| 2 | ***Cảnh ngày xuân*** | Nguyễn Du | - Trích **“Truyện Kiều”** | - Truyện thơ Nôm( thơ lục bát)- Tự sự | Bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân  tươi đẹp, trong sáng | Miêu tả cảnh vật giàu chất tạo hình |
| 3 | ***Kiều ở lầu Ngưng Bích*** | Nguyễn Du | - Trích ***“Truyện Kiều”*** | - Truyện thơ Nôm ( thơ lục bát)- Tự sự | Cảnh ngộ cô đơn buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo cuả Thúy Kiều | Bút pháp tả cảnh ngụ tình |

**2/ Truyện hiện đại:**

- *Làng* - Kim Lân;

*- Lặng lẽ Sa Pa*- Nguyễn Thành Long;

*- Chiếc lược ngà*- Nguyễn Quang Sáng.

\* Nhận biết tác giả và tác phẩm, nắm đặc điểm nhân vật, sự việc, cốt truyện, diễn biến tâm trạng nhân vật, nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của các tác phẩm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tác giả** | **Tác phẩm** | **Xuất xứ, HCRĐ, năm ST** | **Giai đoạn sáng tác** | **Thể loại** | **PTBĐ** | **Ngôi kể** | **Nhân vật** | **ND-NT** |
| Kim Lân | Làng | 1948  | Văn học Thời kì chống Pháp | Truyện ngắn | Tự sự | Thứ ba | Ông Hai | 1. Nghệ thuật- Xây dựng tình huống truyện đặc sắc.- Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế.2. Nội dung:- Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật Ông Hai trong thời kỳ đầu kháng chiến. |
| Nguyễn Thành Long | Lặng lẽ Sa Pa | Mùa hè 1970- chuyến đi Lào Cai công tác của  t.giả | Văn học Thời kì MB xây dựng XHCN | Truyện ngắn |  Tự sự | Thứ ba | Anh thanh niên | 1. Nghệ thuật:- Truyện giàu chất trữ tình.- Xây dựng cốt truyện đơn giản, tạo tình huống hợp lý.- Dùng nhân vật phụ làm nổi bật nhân vật chính2. Nội dung:- Truyện đã khắc họa thành công hình tượng người lao động mới với lí tưởng sống cao đẹp, đáng trân trọng. Tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên với công việc của mình.- Truyện nêu lên ý nghĩa và niềm vui của lao động chân chính. |
| Nguyễn Quang Sáng | Chiếc lược ngà | 1966 | Văn học Thời kì chống Mỹ | Truyện ngắn |  Tự sự | Thứ nhất | Ông Sáu – bé Thu | 1. Nghệ thuật:- Cốt truyện chặt chẽ có những tình huống bất ngờ nhưng hợp lí.- Lựa chọn người kể chuyện thích hợp.- Miêu tả tâm lí nhân vật thành công.2 Nội dung: Truyện đã diễn tả cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Qua đó, tác giả khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc, nó càng cao đẹp trong hoàn cảnh khó khăn. |

\*Tình huống truyện – cốt truyện:

**- Làng:**  Ông Hai tình cờ nghe tin làng chợ Dầu yêu quí của mình trở thành làng Việt gian theo Pháp, phản lại kháng chiến, phản lại Cụ Hồ =>Đó là một tình huống truyện gay cấn để làm bộc lộ sâu sắc nội tâm của nhân vật.

**- Chiếc lược ngà:**

+Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách, nhưng người con không nhận cha. Đến khi nhận ra cũng là lúc phải chia xa => Tình huống cơ bản thể hiện tình cảm của người con với cha.

+ Người cha dồn hết tình yêu thương vào cây lược làm cho con, nhưng chưa kịp trao thì ông đã hi sinh => bộc lộ tình càm của người cha với con

**-Lặng lẽ SaPa:**

+ Cốt truyện đơn giản

+Tình huống gặp gỡ tình cờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn

\*Đặc điểm nhân vật, sự việc:

**Làng:** Tình yêu làng quê và tinh thần yêu nước của ông Hai

- Tin dữ đến quá đột ngột ông Hai sững sờ, đau đớn tủi hổ và hoàn toàn thất vọng.

- Những ngày tiếp theo tin dữ trở thành nỗi ám ảnh nặng nề trong tâm trí của ông và cảc gia đình.

- Ông rơi vào mối mâu thuẫn giữa tình yêu làng và phải thù làng => Tình yêu nước rộng lớn bao trùm lên tình cảm làng quê.

- Qua những lời tâm sự với đứa con ta thấu hiểu tình cảm sâu nặng với làng quê và tấm lòng thuỷ chung với cách mạng, kháng chiến => Tình cảm làng quê hoà quyện thống nhất với lòng yêu nước.

- Khi tin dữ được cải chính ông vô cùng sung sướng tự hào về làng của mình.

**Lặng lẽ SaPa:**Nhân vật anh thanh niên :

a. *Công việc và hoàn cảnh sống* :

- Anh sống và làm việc một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, làm công việc quan trắc khí tượng kiêm vật lý địa cầu.

- Công việc đòi hỏi thời gian nghiêm ngặt, sự chính xác, tỉ mỉ và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Gian khổ nhất là anh phải vượi qua được nỗi cô đơn, chiến thắng chính mình.

b. *Những nét đẹp của anh thanh niên:*

+ Yêu nghề nhận thức rõ ý nghĩa cao đẹp của công việc

+ Anh tổ chức cuộc sống một cách chủ động thoải mái.

+ Quan hệ với mọi người : chu đáo, cởi mở, chân thành, khiêm tốn

=> Anh sống có mục đích và lí tưởng cao đẹp

**Chiếc lược ngà:**

**Ông Sáu:**

- Ông tìm mọi cách để bày tỏ tình yêu thươngcủa mình dành cho con.

- Ông ân hận vì đã trót đánh con trong lúc nóng giận.

- Lời hứa với con trở thành lời hứa thiêng liêng. Chiếc lược ngà chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu thương của người cha với đứa con xa cách.

- Trong giây phút cuối tình phụ tử càng rực cháy, ông dồn hết sức tàn gưỉ lại kỉ vật cho con yêu.

**Bé Thu:**

a. *Trước khi nhận cha*

- Bé Thu luôn tỏ ra ngờ vực lảng tránh

=> Bé Thu có cá tính mạnh mẽ, tình cảm của em sâu sắc, chân thật, chỉ dành cho người cha trong tấm hình chụp với má.

b.*Khi nhân ra cha*

- Tình cảm bị dồn nén lâu nay bùng ra thật mạnh mẽ, cuống quýt, xen cả sự hối hận, nuối tiếc

=> Bé Thu có một cá tính cứng cỏi mạnh mẽ nhưng cũng vẫn rất hồn nhiên, ngây thơ.

**3/  Thơ hiện đại:**

- *Đồng chí* - Chính Hữu;

- *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật;

- *Đoàn thuyền đánh cá*- Huy Cận;

- *Bếp lửa* - Bằng Việt;

*- Ánh trăng* - Nguyễn Duy.

\* Nhận biết tác giả và tác phẩm, hoàn cảnh ra đời, học thuộc lòng thơ, hiểu nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tác giả** | **Tác phẩm** | **Xuất xứ, HCRĐ, năm ST** | **Giai đoạn sáng tác** | **Thể loại** | **PTBĐ** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| Chính Hữu | Đồng chí | 1948- sau chiến dịch Việt Bắc | Văn học Thời kì chống Pháp | Thơ tự do | Tự sự | - Hình ảnh đẹp, bình dị mà cao cả của người lính cách mạng với tình đồng đội; đồng chí sâu sắc, gắn bó bền chặt. |  - Thể thơ tự do, kết hợp giữa tự sự và trữ tình.    - Giọng thơ tâm tình tha thiết.    - Hình ảnh liên tưởng bất ngờ. |
| Phạm Tiến Duật | Bài thơ về tiểu đội xe không kính | 1969- Những năm kháng chiến chống Mỹ trên tuyến đường Trường Sơn | Văn học Thời kì chống Mỹ | Thơ tự do | Tự sự | Qua hình ảnh những chiếc xe không kính, bài thơ khắc họa nổi bật hình ảnh người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mỹ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam. | Ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khỏe khoắn. |
| Huy Cận | Đoàn Thuyền đánh cá | 1958 | Thời kì MB xây dựng XHCN | Thơ bảy chữ | Tự sự | Khắc họa nhiều hình ảnh đẹp, tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. | Xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo: có âm hưởng khỏe khoắn, hào hùng, lạc quan. |
| Bằng Việt | Bếp lửa | 1963  | Văn học Thời kì chống Mỹ | Thơ tám chữ  | Tự sự | Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ **Bếp lửa** gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kí nh yêu trân trọng và biết ơn của người cháu với bà và cũng là với gia đình, quê hương, đất nước. | Bài thơ kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận, sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền  với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi mọi kỉ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu. |
| Nguyễn Duy | Ánh trăng | 1978 | Văn học sau 1975 (sau chiến tranh) | Thơ ngũ ngôn | Tự sự | Bài thơ như một lời nhắc nhở về nhữ ng năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước, bình dị, hiền hậu.Bài thơ có ý nghĩa gợi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn”,  ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ. | Giọng điệu tự nhiên, hình ảnh giàu tính biểu cảm. |

\* Giải thích được ý nghĩa nhan đề, tác dụng của các chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

3 Thơ Hiện đại:

a.Đồng Chí

- Đồng chí là tên gọi của một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến.
- Tên bài thơ gợi chủ đề tác phẩm: viết về tình đồng chí ở những người lính trong chống Pháp- những con người nông dân ra lính. Với họ tình đồng chí là một tình cảm mới mẻ.
- Tình đồng chí là cốt lõi, là bản chất sâu xa của sự gắn bó giữa những người lính cách mạng; là nốt nhấn và là lời khẳng định về tình đồng chí. (Trong bài thơ tác giả đã tập trung làm nổi bật nội dung này.)

 b. **BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**:
- Nhan đề làm nổi bật một hình ảnh rất độc đáo của toàn bài và đó là hình ảnh hiếm gặp trong thơ - hình ảnh những chiếc xe không kính.
- Vẻ khác lạ còn ở hai chữ “ bài thơ” tưởng như rất thừa nhưng là sự khẳng định chất thơ của hiện thực, của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm, vượt lên nhiều thiếu thốn, hiểm nguy của chiến tranh.

 **c.BẾP LỬA:**Hình ảnh bếp lửa không chỉ quen thuộc với mỗi gia đình Việt Nam thời xưa, mà còn là biểu tượng của một tình cảm rất đẹp và thiêng liêng. Tình bà cháu gợi lại những kỉ niệm về tuổi thơ sống bên bà và suy ngẫm thấu hiểu về cuộc đời bà, lẽ sống giản dị mà cao quý của bà, người cháu gởi niềm nhớ mong về với bà. Hình ảnh người bà gắn liền với bếp lửa và bếp lửa gợi đến ngọn lửa với 1 ý nghĩa trừu tượng và khái quát.

 **d.ÁNH TRĂNG**: Ánh trăng chỉ một thứ ánh sáng dịu hiền, ánh sáng ấy có thể len lỏi vào những nơi khuất lấp trong tâm hồn con người để thức tỉnh họ nhận ra những điều sai trái, hướng con người ta đến với những giá trị đích thực của cuộc sống.

**ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ:**Bài thơ phản ánh không khí lao động sôi nổi của nhân dân miền Bắc , khí thế lao động hứng khởi, hăng say của người dân chài trên biển quê hương.

**II/ TIẾNG VIỆT**

- Các phương châm hội thoại;

- Sự phát triển của từ vựng;

- Tổng kết từ vựng (SGK Ngữ văn 9 tập I trang 122 -> 126 và 158-> 159).

- Lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp.

*\** Nắm vững kiến thức cơ bản về các phương châm hội thoại;

\* Nắm các cách phát triển của từ vựng và phương thức chuyển nghĩa;

\* Xác định từ vựng trong văn cảnh

\* Nhận diện và biết cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp, biết tạo câu có lời dẫn.

***1/  Các  phương châm hội thoại đã học: Về lượng, về chất, cách  thức, quan hệ, lịch sự.***

Chú ý mối liên quan giữa các phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.

***2/  Lập sơ đồ hệ thống hoá các cách phát triển của từ vựng.***

 ***3/ Tham khảo bài tập bài Tổng kết từ vựng) SGK Ngữ văn 1 – trang 122 – 126 và trang  158 -159.***

**I. Từ đơn và từ phức.**

 1. Khái niệm:

\* *Từ đơn* là từ chỉ có một tiếng.

\* *Từ phức* là từ gồm hai tiếng trở lên.

   Từ phức gồm hai loại: từ ghép và từ láy.

 2. Phân biệt từ ghép và từ láy.

\* *Từ ghép*: được tạo thành trên cơ sở quan hệ về ý nghĩa giữa các tiếng.

\* *Từ láy:* được tạo thành trên cơ sở quan hệ về âm thanh giữa các tiếng.

 3. Bài tập 2/122*:Phân biệt từ ghép và từ láy:*

\* *Từ ghép*: ngặt nghèo, giam giữ, bó buộc, tươi tốt, bọt bèo, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn.

\* *Từ láy*: nho nhỏ, gật gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh.

   4. Bài tập 3/123*:Phân loại từ láy*:

\*  *Từ láy giảm nghĩa:* trăng trắng, nho nhỏ, lành lạnh, đèm đẹp, xôm xốp.

\* *Từ láy tăng nghĩa*: nhấp nhô, sạch sành sanh, sát sàn sạt.

**II. Thành ngữ**.

1. Khái niệm.

\* Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

\* Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh.

   2. Bài tập 2/123:*Phân biệt và giải thích thành ngữ, tục ngữ.*

a, *Thành ngữ*.

\* ***Đánh trống bỏ dùi***: làm việc không đến nơi đến chốn, thiếu trách nhiệm.

\* ***Được voi đòi tiên***: Lòng tham vô độ, có cái này đòi cái khác.

\* ***Nước mắt cá sấu:*** Hành động giả dối được che đậy tinh vi để đánh lừa người khác.

b, *Tục ngữ*.

\* ***Gần mực thì đen***, ***gần đèn thì sáng***: hoàn cảnh, môi trường sống có liên quan đến sự hình thành và phát triển nhân cách của con người.

\* ***Chó treo mèo đậy***: Tùy cơ ứng biến để giữ mình.

   3. Bài tập 3/123:*Tìm thành ngữ và đặt câu với thành ngữ đó.*

a, *Thành ngữ có yếu tố động vật*:

\* ***Điệu hổ ly sơn***  Công an đã dùng kế điệu hổ ly sơn để bắt tên cướp ấy.

\* *Miệng hùm gan sứa*  Nó chỉ miệng hùm gan sứa chứ có dám làm gì lớn lao đâu.

b, *Thành ngữ có yếu tố thực vật*:

\* ***Cây nhà lá vườn*** Chúng ta sẽ tổ chức một buổi văn nghệ có tính chất nội bộ, cây nhà lá vườn để giúp vui cho đơn vị trong đêm giao thừa.

\* ***Cây cao bóng cả*** Cha mẹ tuy già yếu nhưng vẫn là ***cây cao bóng cả*** cho chúng con nương tựa.

**III. Nghĩa của từ.**

1. Khái niệm: Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.

2. Bài tập 2/123:Chọn cách hiểu đúng về từ “Mẹ”: Cách a là hợp lý.

3. Bài tập 3/123:Cách giải thích b là đúng vì dùng “rộng lượng” để định nghĩa cho “độ lượng” và thêm phần cụ thể hóa.

**IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ**.

1.Khái niệm.
   a. Một từ có thể có nhiều nghĩa.

   b. Chuyển nghĩa là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ, tạo ra những từ nhiều nghĩa.

   c. Trong từ nhiều nghĩa có nghĩa gốc và nghĩa chuyển.

2. Bài tập 2/124:Trong câu thơ trên, từ “hoa” được dùng với nghĩa chuyển.

\* Về tu từ cú pháp, từ “hoa” trong “lệ hoa’ và “thềm hoa” là những định ngữ nghệ thuật.

\* Về tu từ từ vựng: “hoa” ở đây có nghĩa là sang trọng, đẹp. Đây chỉ là nghĩa lâm thời.

\* Ta không thể xem nghĩa chuyển này là nguyên nhân khiến từ “hoa” trở thành từ nhiều nghĩa vì nó chỉ là nghĩa lâm thời chứ không phải là một nét nghĩa cố định của từ “hoa”, chưa được chú giải trong từ điển

**V. Từ đồng âm.**

   1. Khái niệm.

Từ đồng âm là những từ phát âm giống nhau nhưng ý nghĩa khác xa nhau.

   2. Bài tập 2/124: *Phân biệt*.

a. *Lá*: chiếc lá, lá phổi.

“Lá phổi” là hiện tượng chuyển nghĩa của từ “lá” trong “lá xa cành”. Trong trường hợp này, là là từ nhiều nghĩa.

b. *Đường.*

- Đường ra trận: đường đi.

- Ngọt như đường: một loại thực phẩm.

 từ đồng âm.

**VI. Từ đồng nghĩa.**

   1. Khái niệm.

Từ đồng nghĩa là những từ phát âm khác nhau nhưng có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.

   2. Bài tập 2/125:*Chọn cách hiểu đúng nhất*:

- ý (d) đúng nhất.

   3. Bài tập 3/125:

- Từ “xuân” chỉ một mùa trong năm. Một năm ứng với bốn mùa; bốn mùa = 1 tuổi phép so sánh ngang bằng.

-   Dùng từ “xuân” thay tuổi có hai tác dụng:

- Tránh lặp từ “tuổi tác”.

- Hàm ý chỉ sự trẻ trung, tươi đẹp, làm cho lời văn vừa hóm hỉnh, vừa toát lên tinh thần lạc quan, yêu đời.

**VII.** **Từ trái nghĩa.**

   1. Khái niệm.

- Từ trái nghĩa là những từ có ý nghĩa trái ngược nhau.

- Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau.

- Từ trái nghĩa được sử dụng trong thể đối để tạo các hình tượng tương phản gây ấn tượng làm cho lời nói thêm sinh động.

   2.Bài tập 2/125

      a. Những cặp từ trái nghĩa: xấu – đẹp, xa – gần, rộng – hẹp.

      b. Những cặp từ trái nghĩa ngữ dụng: ông – bà, voi – chuột, chó -  mèo.

   3. Bài tập 3/125:Xếp các từ trái nghĩa theo nhóm.

\* Nhóm 1: Sống – chết, chiến tranh – hòa bình, chẵn – lẻ, đực – cái.

\* Nhóm 2: Già – trẻ, yêu – ghét, cao – thấp, nông – sâu.

**VIII. Cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ.**

   1. Khái niệm.

- Nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn (khái quát hơn) hoặc hẹp hơn (ít khái quát hơn) nghĩa của từ ngữ khác

- Về bản chất, đây là mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ ngữ với nhau.

- Các từ ngữ có quan hệ bao hàm hoặc được bao hàm nhau về nghĩa gọi là “Cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ”.

.

**IX.** **Trường từ vựng**.

   1. Khái niệm.

Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

   2. Bài tập 2/126: Đoạn văn trên đã sử dụng từ “tắm” và “bể” cùng trường từ vựng. Hai từ ấy có tác dụng làm cho câu văn có hình ảnh, sinh động và có giá trị tố cáo mạnh mẽ hơn.

töø nöôùc ngoaøi cuûa ngöôøi choàng vaø moät soá ngöôøi : ñoác tôø (tieáng Anh)

**III/ TẬP LÀM VĂN**

**kiểu bài: nghị luận văn học**

**một số đề minh họa**

**1.vẻ đẹp của anh thanh niên trong truyện lặng lẽ Sapa**

**2.hình tượng ánh trăng trong bài thơ ánh trăng của nguyên Duy**

3.Hình tượng Bếp Lửa trong bài thơ cung tên của Bằng Việt

4. phân tích nhân vật bé Thu trong truyện chiếc lược ngà của nguyễn Quang Sáng

**ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG NGỮ VĂN 9 - HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2018-2019**

***Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)***

**Phần 1: Đọc hiểu (3 điểm**)

 Đọc kĩ văn bản sau và thực hiện các yêu cầu cho bên dưới:

**CHIM ÉN VÀ DẾ MÈN**

*Mùa xuân đất trời đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi. Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man, Mèn ta chợt nghĩ bụng:“Ơ hay, việc gì ta phải gánh hai con chim én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quẳng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có phải sướng hơn không ?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.*

 (Theo Đoàn Công Huy - Mục *Trò chuyện đầu tuần* - báo *Hoa học trò*)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

**Câu 2:** Văn bản sử dụng những phép tu từ nào?

**Câu 3:** Tác dụng của các phép tu từ ấy?

**Câu 4:** Bài học rút ra từ văn bản trên?

**Phần 2: Tập làm văn (7điểm)**

Vẻ đẹp tình đồng chí đồng đội qua đoạn thơ:

*…Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,
Sốt run người, vừng trán ướt mồ hôi.

Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!...*

(Trích *Đồng chí* – Chính Hữu, Ngữ Văn 9, tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2006)

🙦 Hết 🙤

**HƯỚNG DẪN CHẤM NGỮ VĂN 9**

**A. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Hướng dẫn chấm được xây dựng theo hướng đánh giá năng lực. Giáo viên nắm bắt được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá một cách tổng quát.

Cần linh hoạt khi vận dụng hướng dẫn. Phát hiện và trân trọng những bài làm thể hiện tính sáng tạo, tư duy độc lập. Nếu học sinh làm bài theo cách riêng (không có trong đáp án) nhưng đáp ứng yêu cầu cơ bản và có sức thuyết phục vẫn được chấp nhận.

- Tổng điểm của toàn bài là 10 điểm, chiết điểm đến 0,25 điểm. Hướng dẫn chấm chỉ đưa ra một số mức điểm, trên cơ sở đó giám khảo có thể thống nhất định ra các thang điểm cụ thể hơn.

**B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I |  | **ĐỌC HIỂU VĂN BẢN** | 3 |
| 1 | - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự | 0.5 |
| 2 | - Biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh  | 0.5 |
| 3 | HS có thể có nhiều cách diễn đạt khác nhau, miễn là hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ. Sau đây là gợi ý:+ Cho ta thấy Dế Mèn là một kẻ ích kỉ, vô ơn, ảo tưởng. + Sự ích kỉ, ngộ nhận và ảo tưởng đã khiến Mèn phải trả giá đắt bằng chính mạng sống của mình. | 1,0 |
| 4 | HS có thể có nhiều cách diễn đạt khác nhau, miễn là nêu đúng nội dung bài học mà văn bản đưa ra. Ví dụ:+ Từ hình ảnh của hai con chim én ta thấy: Lòng tốt, sự đồng cảm, tình yêu thương là cội nguồn của sự sáng tạo, mang lại niềm vui cho mọi người.+ Nếu không muốn nhận lấy hậu quả đáng tiếc thì đừng nên ích kỉ, vô ơn và ảo tưởng như Dế Mèn. | 1.0 |
| II. | **TẬP LÀM VĂN****Vẻ đẹp tình đồng chí đồng đội qua 10 câu thơ giữa của bài thơ** **“Đồng chí” của Chính Hữu** | 7,0 |
| a. |  Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài | 0,5 |
| b. |  Xác định đúng nội dung, phương pháp nghị luận chứng minh: Vẻ đẹp tình đồng chí đồng đội qua một đoạn thơ | 0,5 |
| c. | *Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để triển khai luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể, sinh động.*\* Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận, nêu được cảm nhận chung. \* Chứng minh được *Vẻ đẹp tình đồng chí đồng đội của những người lính trong những năm đầu chống Pháp được thể hiện khi họ cùng nhau trải qua những khó khăn gian khổ trong tình đồng chí đồng đội thắm thiết cảm động*. 1. Họ chia sẻ với nhau bao nỗi niềm tâm sự sâu kín :- Họ thấu hiểu gia cảnh của nhau, những thiệt thòi hi sinh thầm lặng của nhau...- Họ chia sẻ với nhau nỗi nhớ nhà nhớ quê da diết trĩu nặng trong lòng…2. Cùng nhau vượt qua bao khó khăn gian khổ trong những ngày đầu kháng chiến:- Cùng nhau chống chọi với ốm đau, bệnh tật nơi chiến trường gian khổ …- Họ cùng nhau vượt qua điều kiện vật chất thiếu thốn ...3. Trong cuộc chiến đấu gian khổ, tình đồng chí là điểm tựa tinh thần, là sự đồng cảm sẻ chia, là sự nâng đỡ, tiếp sức cho nhau, giúp người lính vượt lên gian khó: Họ truyền cho nhau hơi ấm, ý chí quyết tâm, niềm lạc quan tin tưởng trong cái giá rét tê buốt của núi rừng Việt Bắc… 4. Đánh giá : - Hình ảnh thơ chân thực, cách nói hàm súc, cô đọng, ngôn từ giản dị, chắt lọc- Đoạn thơ giúp ta cảm nhận được tình đồng chí thắm thiết thiêng liêng sâu nặng, là cội nguồn sức mạnh giúp người lính đối mặt và vượt qua khó khăn thử thách để chiến thắng kẻ thù - Tác giả là người thấu hiểu, cảm nhận tinh tế về tình đồng đội, xứng đáng là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca kháng chiến chống Pháp. | 5.0 |
| d | **Sáng tạo: có những cảm nhận riêng, bài viết bộc lộ cảm xúc, tạo ấn tượng cho người đọc**  | 0,5 |
| e. |  **Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.** | 0,5 |

 CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT, ĐẠT KẾT QUẢ CAO !